

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 2 năm 2019

---

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-1	-2	-3	-4	-5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>313,116,017,993</b>	<b>144,446,053,642</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>53,007,359,613</b>	<b>6,003,776,203</b>
1. Tiền	111		53,007,359,613	6,003,776,203
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>22,461,600,000</b>	<b>31,937,835,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		22,954,380,000	31,937,835,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-492,780,000	0
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>226,004,586,045</b>	<b>97,440,383,210</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	67,278,428,056	52,985,024,130
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	158,705,723,030	38,429,404,520
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	20,434,959	6,025,954,560
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.06	<b>8,741,646,081</b>	<b>7,401,054,545</b>
1. Hàng tồn kho	141		8,741,646,081	7,401,054,545
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,900,826,254</b>	<b>1,663,004,684</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	46,396,105	50,727,272
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,821,010,032	1,612,277,412
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		33,420,117	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45,733,613,652</b>	<b>30,273,086,722</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3,922,199,930</b>	<b>3,922,199,930</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
2. Phải thu dài hạn khác	216		3,922,199,930	3,922,199,930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>32,995,148,577</b>	<b>11,509,939,823</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	32,995,148,577	11,509,939,823
- Nguyên giá	222		37,067,196,922	12,735,124,014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		-4,072,048,345	-1,225,184,191
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	0	
- Nguyên giá	228		0	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>14,800,000,000</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	14,800,000,000
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0	0
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0	0
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8,816,265,145</b>	<b>40,946,969</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	8,816,265,145	40,946,969
2. Lợi thế thương mại	269		0	0
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>358,849,631,645</b>	<b>174,719,140,364</b>
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>25,492,673,283</b>	<b>42,594,463,900</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25,492,673,283</b>	<b>42,594,463,900</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	23,582,478,151	32,195,477,427
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	0	8,671,814,200
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	328,658,885	1,345,016,481
4. Phải trả người lao động	314		150,044,219	272,572,632
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	45,000,000	45,000,000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	11,017,442	9,608,573
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	1,320,499,999	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,974,587	54,974,587
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	0	0
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>333,356,958,362</b>	<b>132,124,676,464</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.16	<b>333,356,958,362</b>	<b>132,124,676,464</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180,000,000,000	20,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		180,000,000,000	20,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,863,107,311	2,863,107,311
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147,050,576,552	106,658,323,089
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		132,661,785,747	3,835,939,897
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14,388,790,805	102,822,383,192
6. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3,443,274,499	2,603,246,064
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	431		0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0

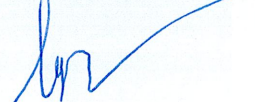
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 400 + 400)	440		358,849,631,645	174,719,140,364

Người lập



NGUYỄN DIỆU THUẬN

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ MINH THU



Giám đốc

ĐẶNG QUANG NAM



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý 2 Năm 2019**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 2/2019	QUÝ 2/2018	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
-1	-2	-3	-4	-5	-4	-5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		65,255,258,445	52,510,290,193	159,693,306,883	53,832,140,860
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	65,255,258,445	52,510,290,193	159,693,306,883	53,832,140,860
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	49,107,942,603	22,221,095,040	115,913,701,000	22,894,889,807
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16,147,315,842	30,289,195,153	43,779,605,883	30,937,251,053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1,984,787,287	185,063	3,113,453,549	394,739
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	612,967,236	0	612,967,236	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		105,835,236	0	105,835,236	
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0	0	0	0
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	0	7,855,000	1,100,000	19,108,910
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	830,117,445	771,606,105	2,598,059,952	1,398,081,588
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,689,018,448	29,509,919,111	43,680,932,244	29,520,455,294
12. Thu nhập khác	31	VI.07	0	0	0	
13. Chi phí khác	32	VI.08	20,800	206,038	2,620,314	206,038
14. Lợi nhuận khác	40		-20,800	-206,038	-2,620,314	-206,038
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,688,997,648	29,509,713,073	43,678,311,930	29,520,249,256
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	0	138,774,299	-53,969,968	147,611,421
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	
18. Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,688,997,648	29,370,938,774	43,732,281,898	29,372,637,835
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		16,388,790,805	28,785,285,769	42,892,253,463	28,786,984,830
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		300,206,843	585,653,005	840,028,435	585,653,005
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	910	14,393	2,382	14,393
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	VI.11	910		2,241	0

Người lập



NGUYỄN DIỆU THUẬN

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ MINH THU



Giám đốc

ĐẶNG QUANG NAM



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Quý 2 Năm 2019

Chi tiêu	Mã số	Lũy kế từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Lũy kế từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	199,352,504,935	81,193,064,758
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(265,340,537,674)	(63,607,246,099)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(837,319,543)	(1,027,533,854)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(105,835,236)	(188,538,500)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(261,235,116)	(66,402,411)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	64,158,103,282	3,779,254,886
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(77,158,706,145)	(4,654,550,608)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(80,193,025,497)</b>	<b>15,428,048,172</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(233,891,092)	
2. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2,500,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(2,733,891,092)</b>	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	160,000,000,000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33	70,200,000,000	14,465,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(97,769,500,001)	(21,791,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2,500,000,000)	(3,930,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>129,930,499,999</b>	<b>(11,256,000,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>47,003,583,410</b>	<b>4,172,048,172</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>6,003,776,203</b>	<b>1,082,906,633</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>53,007,359,613</b>	<b>5,254,954,805</b>

Người lập

Kế toán trưởng





NGUYỄN DIỆU THUẬN

PHẠM THỊ MINH THU



CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
Quý 2 Năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh Thương mại và Dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh Kinh doanh hàng hóa thương mại
- 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng
- 5. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKK
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ	Số 30,Phố Ba Mỏ, Thị trấn Thanh Sơn, Huyện Thanh Sơn, Tỉnh Phú Thọ	98%	98%
Công ty Cổ phần Ứng dụng Công nghệ cao Y tế Nha Trang	Số 2, Đường 653B, Tổ 6, Thị trấn Khánh Vĩnh, Huyện Khánh Vĩnh, Tỉnh Khánh Hòa	98%	98%
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	1/57, Đường 30/4, KV2, Phường Lái Hiếu, Thị xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98%	98%

- 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC: Số liệu BCTC cho quý 2 năm 2019 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC quý 2 năm 2018.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vinh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

---



## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05
Phương tiện vận tải	06

#### 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

##### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

#### 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

#### 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức**

##### **Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### **Lợi nhuận chưa phân phối**

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### **a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

##### **b) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

##### **c) Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

#### **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

#### **13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

#### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

### Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chỉ phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

## 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	614.248.861	822.457.839
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.393.110.752	5.181.318.364
<b>Cộng</b>	<b>53.007.359.613</b>	<b>6.003.776.203</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	<b>22.954.380.000</b>	-	<b>31.937.835.000</b>	
Công ty Cổ phần SXKD Thiết bị y tế Phú Thọ	22.954.380.000	492.780.000	22.954.380.000	
Công ty CP Đầu tư KTC Cần Thơ			8.983.455.000	
<b>Cộng</b>	<b>22.954.380.000</b>	<b>492.780.000</b>	<b>31.937.835.000</b>	

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty cổ phần Deltech		-	402.735.000	-
Bệnh viện Đa khoa huyện Kiến Thụy			356.972.000	
Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam – CN Hà Nội	4.967.531.800		12.654.749.800	
Công ty TNHH Thiết bị đầu tư y tế Phương Nam			84.419.339	
Công ty TNHH TM và DV Kỹ thuật Tài Lộc	18.815.906.991		39.486.147.991	
Công ty TNHH TM và DV TMC Việt Nam	25.656.306.750			
Trung Tâm Y tế Huyện Kiến Thụy	186.135.400			
Công ty TNHH đầu tư phát triển Tùng Bách	16.529.890.300			
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ ĐẦU TƯ Y TẾ PHƯƠNG NAM	100.809.317			
CÔNG TY TNHH Y KHOA MEDIC TÂN HƯNG	54.005.874			
TRUNG TÂM SẢN NHI	363.142.047	-		-
CÔNG TY TNHH TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM Y KHOA THUỶ NHI	584.618.327			
Đơn vị khác	20.081.250			
<b>Cộng</b>	<b>67.278.428.056</b>	-	<b>52.985.024.130</b>	

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Trang thiết bị và công	174.375.000		1.536.804.720	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
trình y tế				
Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam – CN Hà Nội			1.392.599.800	
Công ty CP Kanpeki Nhật Bản	35.380.336.634		35.500.000.000	
Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật	113.300.000.000			
Công Ty Cổ Phần SaRa Phú Thọ	7.875.320.000			
Công ty TNHH KCC Hanoi Plaza	17.440.500			
Công ty TNHH Tư vấn Trọ sinh	1.957.864.700			
Đơn vị khác	386.196			
<b>Cộng</b>	<b>158.705.723.030</b>	<b>-</b>	<b>38.429.404.520</b>	

**5. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Ký cược, ký quỹ	19.000.000	-	6.025.654.560	-
<b>Cộng</b>	<b>19.000.000</b>	<b>-</b>	<b>6.025.654.560</b>	<b>-</b>

**b) Dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Phải thu khác	3.922.199.930	-	3.922.199.930	-
<b>Cộng</b>	<b>3.922.199.930</b>	<b>-</b>	<b>3.922.199.930</b>	<b>-</b>

Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

**6. Hàng tồn kho**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
Hàng hóa	8.741.646.081	-	7.401.054.545	-
<b>Cộng</b>	<b>8.741.646.081</b>	<b>-</b>	<b>7.401.054.545</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>46.396.105</b>	<b>50.727.272</b>

**8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
Nguyên giá				

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu kỳ	34.935.124.014	355.178.818		35.290.302.832
Mua trong kỳ		1.776.894.090		1.776.894.090
Giảm khác	0			0
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>34.935.124.014</b>	<b>2.132.072.908</b>	<b>-</b>	<b>37.067.196.922</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>				
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	2.603.458.126	1.479.912		2.604.938.038
Khấu hao trong kỳ	1.378.273.935	88.836.372	-	1.467.110.307
Giảm khác				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.981.732.061</b>	<b>90.316.284</b>	<b>-</b>	<b>4.072.048.345</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	32.331.665.888	353.698.906	-	32.685.364.794
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>30.953.391.953</b>	<b>2.041.756.624</b>	<b>-</b>	<b>32.995.148.577</b>

**9. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty CP Thiết bị Inox Hoàng Phúc		410.308.800
Công ty CP Y tế Nhất Minh	315.400.000	1.103.900.000
Công ty TNHH Thương mại và DV Thiết bị Vật tư Việt Tiến	496.500.000	496.500.000
Công ty CP Thương mại Công Vàng		143.268.061
Công ty CP Thiết bị Y tế Trường Sơn		7.392.000
Công ty TNHH DV Thương mại HNK Việt Nam		30.505.240
Công ty TNHH Thành An – Hà Nội		11.515.000.000
Công ty TNHH Thiết bị y khoa Tâm An		289.200.000
Công ty CP Dược – thiết bị Y tế Âu Mỹ		32.900.000
Công ty TNHH Medigroup Việt Nam		1.505.000.000
Công ty CP ĐT Thiết bị Y tế An Việt		1.107.348.601
Công ty CP Dược phẩm Trung Ương 1 CPC1		490.000.000
Công ty TNHH Vật tư KHKT Đông Dương		11.763.154.725
Công ty CP Dược phẩm Phú Thái		1.015.000.000
Công ty TNHH DP TBYT TD		2.173.500.000
Các nhà cung cấp khác	114.378.151	112.500.000
Công ty TNHH IDS Medical Systems Việt Nam- CN Hà Nội	2.310.000.000	
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỤNG CỤ Y KHOA 3P	20.346.200.000	
<b>Cộng</b>	<b>23.582.478.151</b>	<b>32.195.477.427</b>

**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Công ty TNHH TM và DV TMC Việt Nam		1.587.575.500
Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Tùng Bách		7.084.238.700
<b>Cộng</b>		<b>8.671.814.200</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.097.270.922	199.712.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp	220.094.944	116.909.000
Thuế thu nhập cá nhân	27.650.615	12.037.296
Các loại thuế khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.345.016.481</u></b>	<b><u>328.658.885</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế	5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện	Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**12. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.408.869	-
<b>Cộng</b>	<b><u>11.017.442</u></b>	<b><u>9.608.573</u></b>

**13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	54.974.587		54.974.587
<b>Cộng</b>	<b><u>54.974.587</u></b>		<b><u>54.974.587</u></b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư và phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Lợi ích của cổ đông không kiểm soát</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	20.000.000.000	2.863.107.311	106.658.323.089	2.603.246.064	132.124.676.464
Số dư cuối kỳ này	<u>180.000.000.000</u>	<u>2.863.107.311</u>	<u>147.050.576.552</u>	<u>3.443.274.499</u>	<u>333.356.958.362</u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	2.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý II/2019</u>	<u>Quý II/2018</u>
Doanh thu bán hàng hóa	57.599.516.548	51.790.290.193
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.655.741.897	720.000.000
<b>Cộng</b>	<b>65.255.258.445</b>	<b>52.510.290.193</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý II/2019</u>	<u>Quý II/2018</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	49.107.942.603	22.221.095.040
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
<b>Cộng</b>	<b>49.107.942.603</b>	<b>22.221.095.040</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý II/2019</u>	<u>Quý II/2018</u>
Lãi tiền gửi		185.063
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.984.787.287	-
<b>Cộng</b>	<b>1.984.787.287</b>	<b>185.063</b>

**4. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý II/2019</u>	<u>Quý II/2018</u>
		7.855.000
<b>Cộng</b>		<b>7.855.000</b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Quý II/2019</u>	<u>Quý II/2018</u>
	830.117.445	771.606.105
<b>Cộng</b>	<b>830.117.445</b>	<b>771.606.105</b>

**6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Khu đô thị Vĩnh Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ báo cáo tài chính Quý 2 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất** (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Quý II/2019</b>	<b>Quý II/2018</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.688.997.648	29.509.713.073
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
<i>Cổ tức được nhận từ công ty con</i>		-
Thu nhập chịu thuế	14.688.997.648	29.509.713.073
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	14.688.997.648	29.509.713.073
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>116.909.000</b>	<b>138.774.299</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>116.909.000</b>	<b>138.774.299</b>

#### 7. **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Doanh nghiệp không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lập ngày 18 tháng 07 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Diệu Thuần

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thư

Tổng Giám đốc



Dặng Quang Nam